ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53/2023/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 73/TTr-STTTT ngày 03 tháng 11 năm 2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4628/BC-STP-KTrVB ngày 29 tháng 8 năm 2023 và ý kiến thống thất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Định mức

Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức hao phí trực tiếp trong sản xuất tác phẩm báo in, báo điện tử, bao gồm: Hao phí về nhân công; Hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất báo in, báo điện tử; Hao phí về máy móc thiết bị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử.

b) Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử.

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử để sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử.

Điều 3. Tổ chức thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, các cơ quan báo chí Thành phố, cơ quan chủ quản báo chí Thành phố, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐNDTP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Các Ban của HĐNDTP;
- Thành viên UBNDTP;
- VPUB: PCVP/VX;
- Sở, ngành Thành phố;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (VX/Ha). 15 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC
KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG BÁO IN, BÁO ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ

1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tòa soạn báo

1.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin, bài phản ánh

1.1.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin vắn:

Đơn vị tính: 01 tin vắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.01	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,08
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,14
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,75
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,03
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,15
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,942
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 tin vắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,07	0,07	0,06	0,05
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,12	0,11	0,10	0,09
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,64	0,60	0,56	0,49
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,03	0,03	0,03	0,03
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,05	0,05	0,05	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,15	0,15	0,15	0,15
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,80	0,76	0,71	0,61
	Máy in laser A4	Ca	0,0003	0,0003	0,0003	0,0003
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	4	4	4	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,002	0,002	0,002	0,002
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 tin vắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,08	0,07	0,07	0,06
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,13	0,12	0,11	0,1
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,68	0,64	0,6	0,53
	Biên tập viên hạng I	Công	0,03	0,03	0,03	0,03

	bậc 3/6					
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,05	0,05	0,05	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,15	0,15	0,15	0,15
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,85	0,80	0,76	0,66
	Máy in laser A4	Ca	0,0003	0,0003	0,0003	0,0003
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	4	4	4	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,002	0,002	0,002	0,002
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ngắn:

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.02	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,18
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,99
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,05
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,09
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,24
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,332
	Máy in laser A4	Ca	0,0007
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	8
	Mực in laser A4	Hộp	0,003
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%

01.01.01.02	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,09	0,09	0,08	0,07
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,15	0,15	0,14	0,12
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,84	0,79	0,74	0,64
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,05	0,05	0,05	0,05
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,09	0,09	0,09	0,09
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,24	0,24	0,24	0,24
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,13	1,07	1,00	0,87
	Máy in laser A4	Ca	0,0007	0,0007	0,0007	0,0007
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	8	8	8	8
	Mực in laser A4	Hộp	0,003	0,003	0,003	0,003
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	**Trên 30% đến 50%**	**Trên 50% đến 70%**	**Trên 70%**
01.01.01.02	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,10	0,09	0,09	0,08
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,16	0,15	0,15	0,13
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,89	0,84	0,79	0,69
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,05	0,05	0,05	0,05
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,09	0,09	0,09	0,09
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,24	0,24	0,24	0,24
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên	Ca	1,20	1,13	1,07	0,93

	dụng					
	Máy in laser A4	Ca	0,0007	0,0007	0,0007	0,0007
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	8	8	8	8
	Mực in laser A4	Hộp	0,003	0,003	0,003	0,003
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.1.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin sâu:

Đơn vị tính: 01 tin sâu

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.03	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,16
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,25
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	1,58
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,19
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,45
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,200
	Máy in laser A4	Ca	0,0013
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	16
	Mực in laser A4	Hộp	0,006
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 tin sâu

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.03	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13	0,13	0,12	0,10
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,21	0,20	0,19	0,16
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	1,35	1,27	1,19	1,03
	Biên tập viên hạng I	Công	0,13	0,13	0,13	0,13

	bậc 3/6					
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,19	0,19	0,19	0,19
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,45	0,45	0,45	0,45
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,87	1,76	1,65	1,43
	Máy in laser A4	Ca	0,0013	0,0013	0,0013	0,0013
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	16	16	16	16
	Mực in laser A4	Hộp	0,006	0,006	0,006	0,006
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 tin sâu

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50 % đến 70%	Trên 70%
01.01.01.03	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13	0,13	0,12	0,10
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,21	0,20	0,19	0,16
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	1,35	1,27	1,19	1,03
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13	0,13	0,13	0,13
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,19	0,19	0,19	0,19
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,45	0,45	0,45	0,45
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,98	1,87	1,76	1,54
	Máy in laser A4	Ca	0,0013	0,0013	0,0013	0,0013
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	16	16	16	16
	Mực in laser A4	Hộp	0,006	0,006	0,006	0,006
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.1.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phản ánh:

Đơn vị tính: 01 bài phản ánh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.01.04	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,33
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,54
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	3,27
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,18
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,5
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,14
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,767
	Máy in laser A4	Ca	0,0025
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	30
	Mực in laser A4	Hộp	0,012
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 bài phản ánh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.04	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,28	0,27	0,25	0,22
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,46	0,43	0,41	0,35
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,78	2,62	2,45	2,13
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,18	0,18	0,18	0,18
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,50	0,50	0,50	0,50
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,14	1,14	1,14	1,14
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,05	3,81	3,58	3,10

	Máy in laser A4	Ca	0,0025	0,0025	0,0025	0,0025
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	30	30	30	30
	Mực in	Hộp	0,012	0,012	0,012	0,012
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 bài phản ánh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.01.04	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,30	0,28	0,27	0,23
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	0,49	0,46	0,43	0,38
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,94	2,78	2,62	2,29
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,18	0,18	0,18	0,18
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,50	0,50	0,50	0,50
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,14	1,14	1,14	1,14
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,29	4,05	3,81	3,34
	Máy in laser A4	Ca	0,0025	0,0025	0,0025	0,0025
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	30	30	30	30
	Mực in laser A4	Hộp	0,012	0,012	0,012	0,012
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài chính luận

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.02.01	***Nhân công***		

	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	3,69
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	5,98
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,44
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,77
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,96
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	15,067
	Máy in laser A4	Ca	0,0125
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	150
	Mực in laser A4	Hộp	0,06
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.02.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	3,13	2,95	2,77	2,4
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	5,08	4,78	4,48	3,89
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,37	0,35	0,33	0,28
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,77	2,77	2,77	2,77
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,96	5,96	5,96	5,96
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,81	12,05	11,30	9,79
	Máy in laser A4	Ca	0,0125	0,0125	0,0125	0,0125
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	150	150	150	150
	Mực in laser A4	Hộp	0,06	0,06	0,06	0,06
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.02.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	3,32	3,13	2,95	2,58
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	5,38	5,08	4,78	4,19
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,39	0,37	0,35	0,31
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	2,77	2,77	2,77	2,77
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	5,96	5,96	5,96	5,96
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	13,56	12,81	12,05	10,55
	Máy in laser A4	Ca	0,0125	0,0125	0,0125	0,0125
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	150	150	150	150
	Mực in laser A4	Hộp	0,06	0,06	0,06	0,06
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra

1.3.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự:

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.03.01	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,52
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	10,17
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,25
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,5
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,13
	Máy sử dụng		

	Máy tính chuyên dụng	Ca	18,95
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	10,369
	Máy in laser A4	Ca	0,01
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/ bài phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11	0,10	0,09	0,08
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,84	3,62	3,39	2,94
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	8,64	8,13	7,63	6,61
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,25	0,25	0,25	0,25
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,5	2,5	2,5	2,5
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,13	6,13	6,13	6,13
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	ca	16,11	15,16	14,21	12,32
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,81	8,30	7,78	6,74
	Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	120	120	120	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11	0,11	0,10	0,09
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,07	3,84	3,62	3,16
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	9,15	8,64	8,13	7,12
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,25	0,25	0,25	0,25
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,50	2,50	2,50	2,50
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,13	6,13	6,13	6,13
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	17,06	16,11	15,16	13,27
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,33	8,81	8,30	7,26
	Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	120	120	120	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại điều tra:

Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.03.02	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	0,38
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,06
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	11,1
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,33
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,17
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,17

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	19,367
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	10,879
	Máy in laser A4	Ca	0,01
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.02	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	0,32	0,3	0,28	0,24
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,45	3,25	3,05	2,64
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	9,44	8,88	8,33	7,22
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,33	0,33	0,33	0,33
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,17	2,17	2,17	2,17
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,17	6,17	6,17	6,17
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	16,46	15,49	14,53	12,59
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,25	8,70	8,16	7,07
	Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	120	120	120	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị. tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.03.02	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 4/6	Công	0,34	0,32	0,3	0,26
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,66	3,45	3,25	2,84
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	9,99	9,44	8,88	7,77
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,33	0,33	0,33	0,33
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,17	2,17	2,17	2,17
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,17	6,17	6,17	6,17
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	17,43	16,46	15,49	13,56
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,79	9,25	8,70	7,62
	Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	120	120	120	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn

Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.04.01	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,75
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	9,02
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,25
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,00
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,46

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	16,483
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	9,727
	Máy in laser A4	Ca	0,01
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.04.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11	0,1	0,09	0,08
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,04	3,8	3,56	3,09
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	7,67	7,22	6,77	5,86
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,25	0,25	0,25	0,25
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2	2	2	2
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,46	4,46	4,46	4,46
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	14,01	13,19	12,36	10,71
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,27	7,78	7,30	6,32
	Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	120	120	120	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.04.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11	0,11	0,1	0,09
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	4,28	4,04	3,8	3,33
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	8,12	7,67	7,22	6,31
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,25	0,25	0,25	0,25
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2	2	2	2
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,46	4,46	4,46	4,46
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	14,84	14,01	13,19	11,54
	Máy ghi âm chuyên dụng	Ca	8,75	8,27	7,78	6,81
	Máy in laser A4	Ca	0,01	0,01	0,01	0,01
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	120	120	120	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048	0,048	0,048	0,048
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.5. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài nghiên cứu trao đổi

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại
01.01.05.01	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,42
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,48
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	5,19
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,29
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,63
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,56

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,65
	Máy in laser A4	Ca	0,0067
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	80
	Mực in laser A4	Hộp	0,032
	Vật liệu phụ	%	10
			1

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.05.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,35	0,33	0,31	0,27
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	2,96	2,78	2,61	2,26
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	4,41	4,15	3,89	3,37
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,29	0,29	0,29	0,29
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,63	1,63	1,63	1,63
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,56	3,56	3,56	3,56
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	9,90	9,32	8,74	7,57
	Máy in laser A4	Ca	0,0067	0,0067	0,0067	0,0067
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	80	80	80	80
	Mực in laser A4	Hộp	0,032	0,032	0,032	0,032
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			2	3	4	5

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài			
			Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
01.01.05.01	***Nhân công***					
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,38	0,35	0,33	0,29
	Phóng viên hạng II bậc 5/8	Công	3,13	2,96	2,78	2,44
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	4,67	4,41	4,15	3,63
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,29	0,29	0,29	0,29
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,63	1,63	1,63	1,63
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,56	3,56	3,56	3,56
	Máy sử dụng					
	Máy tính chuyên dụng	Ca	10,49	9,90	9,32	8,16
	Máy in laser A4	Ca	0,0067	0,0067	0,0067	0,0067
	Vật liệu sử dụng					
	Giấy A4	Tờ	80	80	80	80
	Mực in laser A4	Hộp	0,032	0,032	0,032	0,032
	Vật liệu phụ	%	10	10	10	10
			6	7	8	9

1.6. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh báo chí

1.6.1. Bảng định mức xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ảnh:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh (tin ảnh)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.06.01	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng I bậc 3/6	Công	0,17
	Phóng viên hạng II bậc 4/8	Công	0,26
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	2,48
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,09
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,6
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,175

	Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,992
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

1.6.2. Bảng định mức xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh minh họa:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh (ảnh minh họa)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.06.02	***Nhân công***		
	Phóng viên hạng II bậc 4/8	Công	0,17
	Phóng viên hạng III bậc 5/9	Công	0,96
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,33
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,906
	Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,383
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

1.7. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh báo chí

1.7.1. Bảng định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh minh họa:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.07.01	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,63
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,33
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,300
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001
	Vật liệu phụ	%	10

1.7.2. Bảng định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh biếm họa:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.07.02	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,98
	Biên tập viên hạng II bậc 4/8	Công	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,40
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,583
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001
	Vật liệu phụ	%	10

1.8. Định mức công tác biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc

Đơn vị tính: 01 tin /bài trả lời bạn đọc

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.01.08.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,75
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,36
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,508
	Máy in laser A4	Ca	0,005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	60
	Mực in laser A4	Hộp	0,024
	Vật liệu phụ	%	10

2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng

2.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin

2.1.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin vắn:

Đơn vị tính: 01 tin vắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.01.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,04
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,07

	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,31
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,34
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

2.1.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin ngắn:

Đơn vị tính: 01 tin ngắn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.01.02	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,20
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,41
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,57
	Máy in laser A4	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4	Hộp	0,0024
	Vật liệu phụ	%	10

2.1.3. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin sâu:

Đơn vị tính: 01 tin sâu

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.01.03	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,20
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,31
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,71
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,98
	Máy in laser A4	Ca	0,0008
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	10
	Mực in laser A4	Hộp	0,0040
	Vật liệu phụ	%	10

2.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phản ánh

Đơn vị tính: 01 bài phản ánh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.02.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,5
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,73
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,35
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,07
	Máy in laser A4	Ca	0,0018
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	22
	Mực in laser A4	Hộp	0,0088
	Vật liệu phụ	%	10

2.3. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài chính luận

Đơn vị tính: 01 bài chính luận

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.03.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	3,13
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	6,56
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,13
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,85
	Máy in laser A4	Ca	0,0125
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	150
	Mực in laser A4	Hộp	0,06
	Vật liệu phụ	%	10

2.4. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự, ký sự, điều tra

2.4.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự, ký sự:

Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/phóng sự 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.04.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,38
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,94

	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,31
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,5
	Máy in laser A4	Ca	0,01
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10

2.4.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự điều tra:

Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.04.02	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 4/6	Công	0,46
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,56
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,79
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,65
	Máy in laser A4	Ca	0,01
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10

2.5. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phỏng vấn

Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.05.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,38
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,44
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,27
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,47
	Máy in laser A4	Ca	0,01
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	120
	Mực in laser A4	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10

2.6. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại văn học

2.6.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại văn xuôi:

Đơn vị tính: 01 bản thảo văn xuôi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.06.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,17
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,98
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,23
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,9
	Máy in laser A4	Ca	0,0033
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	40
	Mực in laser A4	Hộp	0,016
	Vật liệu phụ	%	10

2.6.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại thơ:

Đơn vị tính: 01 bản thảo thơ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.06.02	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,17
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,0
	Biên tập viên hạng Ill bậc 5/9	Công	3,15
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,45
	Máy in laser A4	Ca	0,0008
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	10
	Mực in laser A4	Hộp	0,004
	Vật liệu phụ	%	10

2.7. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài nghiên cứu trao đổi

Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.07.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,33
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	1,98
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,17
	Máy sử dụng		

	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,18
	Máy in laser A4	Ca	0,0067
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	80
	Mực in	Hộp	0,032
	Vật liệu phụ	%	10

2.8. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài báo khoa học

Đơn vị tính: 01 bài báo khoa học

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.08.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,71
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	2,75
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,79
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,2
	Máy in laser A4	Ca	0,0042
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	50
	Mực in laser A4	Hộp	0,02
	Vật liệu phụ	%	10

2.9. Định mức công tác biên tập bản thảo ảnh báo chí được sưu tầm hoặc của tác giả chụp gửi đăng

2.9.1. Bảng định mức biên tập bản thảo tin ảnh của tác giả chụp gửi đăng:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.09.01	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,08
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,21
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,98
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,02
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

2.9.2. Bảng định mức biên tập bản thảo ảnh minh họa sưu tầm:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.09.02	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,18
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,6
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,63
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

2.9.3. Bảng định mức biên tập bản thảo ảnh minh họa của tác giả chụp gửi đăng:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.09.03	***Nhân công***		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,17
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,58
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,6
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

2.10. Định mức công tác biên tập bản thảo tranh báo chí được sưu tầm hoặc của tác giả vẽ gửi đăng

2.10.1. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.01	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,90
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,72
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016

	Vật liệu phụ	%	10

2.10.2. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh minh họa tác giả vẽ gửi đăng:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.02	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,89
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,71
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

2.10.3. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.03	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,19
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,95
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

2.10.4. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh biếm họa tác giả vẽ gửi đăng:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
01.02.10.04	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,04
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,83
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4
	Mực in	Hộp	0,0016
	Vật liệu phụ	%	10

II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN BÁO IN

1. Định mức công tác thiết kế layout trang báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).

1.1. Bảng định mức thiết kế layout trang báo in khổ A3:

Đơn vị tính: 01 trang A3

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.01.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	1,33
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,38
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,367
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4 (quy *đổi 1 tờ A3 bằng 2 tờ A4)*	Tờ	4
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

1.2. Bảng định mức thiết kế layout trang báo in khổ A4:

Đơn vị tính: 01 trang A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.01.01.02	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,71
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,19
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,717
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in màu laser A4 màu	Hộp	0,001

2. Định mức công tác thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn).

2.1. Bảng định mức thiết kế trình bày trang nhất từ báo in khổ A3:

Đơn vị tính: 01 trang khổ A3

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,58
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,31
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,717
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4 *(quy đổi 1 tờ A3 bằng 2 tờ A4)*	Tờ	6

	Mực in màu laser A4 màu	Hộp	0,002

2.2. Bảng định mức thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4:

Đơn vị tính: 01 trang khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.02	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,44
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,25
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,55
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

2.3. Bảng định mức thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san), bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh họa:

Đơn vị tính: 01 bìa ngoài sách

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.03	***Nhân công***		
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,26
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	2,58
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,07
	Máy in laser A4	Ca	0,0003
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Tờ	4
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Vật liệu phụ	%	10

3. Định mức công tác thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).

Đơn vị tính: 01 tin, bài

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.02.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,017
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,006
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,019
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		

	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

4. Định mức công tác thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in

Đơn vị tính: 01 tranh (ảnh)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.04.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,095
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,020
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,099
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in màu	Hộp	0,002

5. Định mức công tác thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).

Đơn vị tính: 01 bảng biểu/hộp chữ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
02.05.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,077
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,017
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,086
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN, ĐĂNG TẢI BÁO ĐIỆN TỬ

1. Định mức công tác thiết kế layout trang báo điện tử.

Đơn vị tính: 01 trang

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.01.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Ca	0,071
	Họa sĩ bậc 3/9	Ca	0,019
	Máy sử dụng		

	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,072
	Máy in laser A4	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in laser A4	Hộp	0,001

2. Định mức công tác thiết kế trình bày trang trượt (slide) báo điện tử (bao gồm báo điện tử, chuyên trang báo điện tử, tạp chí điện tử).

2.1. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử:

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.01	***Nhân công***		
	kỹ sư bậc 3/9	Công	0,27
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,08
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,283
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001

2.2. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử:

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.02	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,32
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,10
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,342
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001

2.3. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử:

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.03	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,27

	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,10
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,300
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001

2.4. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử:

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.04	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,29
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,10
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,317
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001

2.5. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử:

Đơn vị tính: 01 trang (slide)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.02.01.05	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,35
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,13
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,383
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0002
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	2
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,001

3. Định mức công tác thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử.

Đơn vị tính: 01 tin, bài

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.03.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư bậc 3/9	Công	0,077
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,018
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,092

	Máy in laser A4	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4	Hộp	0,002

4. Định mức công tác thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo điện tử.

Đơn vị tính: 01 tranh (ảnh)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.04.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư thiết kế bậc 3/9	Công	0,010
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,024
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dung	Ca	0,119
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

5. Định mức công tác thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo điện tử.

Đơn vị tính: 01 bảng biểu/ hộp chữ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
03.05.01.01	***Nhân công***		
	Kỹ sư thiết kế bậc 3/9	Công	0,084
	Họa sĩ bậc 3/9	Công	0,020
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,101
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0005
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	6
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

IV. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC IN CÁC LOẠI ẤN PHẨM BÁO IN

1. Định mức công tác bình bản thủ công

Bảng định mức công tác bình bản thủ công cho 1 bản kẽm:

Đơn vị tính: 01 bản bình

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.01.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,111

2. Định mức công tác in bản can

Bảng định mức công tác in bản can khổ A4:

Đơn vị tính: 100 tờ khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.02.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,026
	Máy sử dụng		
	Máy in laser A4 đen trắng - Chuyên in giấy can	Ca	0,026
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,026
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy can A4	Tờ	105
	Mực in laser A4	hộp	0,21
	Vật liệu phụ	%	5

3. Định mức công tác ghi bản phim và bình bản

Bảng định mức công tác in bản phim:

Đơn vị tính: 100 tờ phim

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.03.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,032
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy ghi phim chuyên dùng	Ca	0,032
	Vật liệu sử dụng		
	Phim bitonal, greyscale and color	Tờ	102
	Vật liệu phụ	%	5

4. Định mức công tác ghi bản kẽm từ bản can hoặc bản phim

Đơn vị tính: 100 bản kẽm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.04.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	12,75
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy phơi kẽm thủ công	Ca	12,75
	Vật liệu sử dụng		
	Bản kẽm	Bản	102
	Vật liệu phụ	%	5

5. Định mức công tác ghi bản kẽm từ file và bình bản

Bảng định mức công tác ghi bản kẽm từ file:

Đơn vị tính: 100 bản kẽm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.05.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	1,821
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in kẽm tự động	Ca	1,821
	Vật liệu sử dụng		
	Bản kẽm	Bản	102
	Vật liệu phụ	%	5

6. Định mức công tác in offset 1 màu, 2 màu và 4 màu

6.1. Bảng định mức công tác in offset 1 màu (màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914 mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu đen, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,55
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,092
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	6112,83
	Mực in đen	Kg	8,15
	Vật liệu phụ	%	5

6.2. Bảng định mức công tác in offset 1 màu (màu khác màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu khác màu đen, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.02	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,55
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,092
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	6112,83
	Mực in màu	Kg	9,17
	Vật liệu phụ	%	5

6.3. Bảng định mức công tác in offset 2 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.03	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,642
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,092
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	6112,83
	Mực in màu	Kg	18,34
	Vật liệu phụ	%	5

6.4. Bảng định mức công tác in offset 4 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.04	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,733
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động, 4 màu	Ca	0,092
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	6112,83
	Mực in màu	Kg	36,68
	Vật liệu phụ	%	5

6.5. Bảng định mức công tác in offset, 1 màu (màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu đen, khổ giấy 790x1090mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.05	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,764
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời	Ca	0,764
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	9472,1
	Mực in đen	Kg	9,47
	Vật liệu phụ	%	5

6.6. Bảng định mức công tác in offset, 1 màu (màu khác màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu, khổ giấy 790x1090mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.06	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,764
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời,	Ca	0,764
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	9472,1
	Mực in màu	Kg	10,72
	Vật liệu phụ	%	5

6.7. Bảng định mức công tác in offset, 2 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 790x1090mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.07	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	1,528
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 2 màu, tờ rời	Ca	0,764
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	9472,1
	Mực in màu	Kg	21,45
	Vật liệu phụ	%	5

6.8. Bảng định mức công tác in offset, 4 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 790x1090 mm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.06.01.08	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	3,056
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 4 màu, tờ rời	Ca	0,764
	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m^2	9472,1
	Mực in màu	Kg	42,89
	Vật liệu phụ	%	5

7. Định mức công tác xén

7.1. Bảng định mức công tác xén 1 mặt để gấp:

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.07.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,250
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy cắt 1 mặt	Ca	0,1250

7.2. Bảng định mức công tác xén 3 mặt để hoàn thiện ấn phẩm dạng cuốn (dạng quyển):

Đơn vị tính: 1. 000 cuốn độ dày 5,1 cm

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.07.01.02	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,136
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy xén 3 mặt	Ca	0,5682

8. Định mức công tác gấp

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.08.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,250
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy gấp 3 vạch	Ca	0,625

9. Định mức công tác đóng tập

9.1. Bảng định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A4:

Đơn vị tính: 1000 cuốn khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,313
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy đóng ghim tự động	Ca	0,0781
	Vật liệu sử dụng		
	Dây thép	m	15,00

9.2. Bảng định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A3:

Đơn vị tính: 1000 cuốn khổ A3

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.02	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,625
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy đóng ghim	Ca	0,1563
	Vật liệu sử dụng		
	Dây thép	m	20,00

9.3. Bảng định mức công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ:

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.03	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	3,750
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy khâu chỉ sách	Ca	1,250
	Vật liệu sử dụng		
	Chỉ khâu	m	150,00

9.4. Bảng định mức công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp keo nhiệt vào bìa:

Đơn vị tính: 1000 cuốn khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.09.01.04	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy đóng sách keo nhiệt	Ca	0,25
	Vật liệu sử dụng		
	Keo dán các loại	Kg	0,225

10. Định mức công tác vào bìa

10.1. Bảng định mức công tác lồng trang nhất báo bằng phương pháp thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.10.01.01	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm I bậc 3/7	Công	2,50

10.2. Bảng định mức công tác vào bìa ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ, dán keo:

Đơn vị tính: 1.000 cuốn khổ A4

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị	Mức
04.10.01.02	***Nhân công***		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,1
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy vào bìa dán keo	Ca	0,025
	Vật liệu sử dụng		
	Keo dán gáy	Kg	0,125

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ